

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GPMT-BTNMT Hà Nội, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 123/DVCI-KHKT ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Trung tâm Dịch vụ công ích trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Khu công nghiệp Hòa Hiệp 1 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Trung tâm Dịch vụ công ích trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên (sau đây viết tắt là Trung tâm Dịch vụ công ích), địa chỉ tại 87-89 Phan Đình Phùng, Phường 1, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Khu công nghiệp Hòa Hiệp 1 có địa chỉ tại phường Hoà Hiệp Bắc và phường Hoà Hiệp Trung, thị xã Đông Hoà, tỉnh Phú Yên với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Khu công nghiệp Hòa Hiệp 1.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Hoà Hiệp Bắc và phường Hoà Hiệp Trung, thị xã Đông Hoà, tỉnh Phú Yên.

1.3. Quyết định số 1482/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc chuyển Công ty TNHH một thành viên Đầu tư và Phát triển khu công nghiệp Phú Yên thành Trung tâm Dịch vụ công ích là đơn vị sự nghiệp có thu trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên; Quyết định số 991/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Dịch vụ công ích trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên.

1.4. Mã số thuế: 4400726724.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu công nghiệp; các ngành, nghề được phép thu hút đầu tư (phân loại theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 07 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam) bao gồm:

TT	Ngành nghề được phép thu hút đầu tư	Mã ngành kinh tế Việt Nam
I	Sản xuất, chế biến thực phẩm	
1	Chế biến và bảo quản thịt	C10102
2	Chế biến và bảo quản các sản phẩm từ thịt	C10109
3	Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh	C10201
4	Chế biến và bảo quản thủy sản khô	C10202
5	Chế biến và bảo quản các sản phẩm khác từ thủy sản	C10209
6	Chế biến và bảo quản rau quả	C103
7	Sản xuất dầu, bơ thực vật	C10402
8	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	C105
9	Sản xuất thực phẩm khác (<i>ngoại trừ sản xuất đường - C1072</i>)	C107
10	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	C108
II	Sản xuất đồ uống	
11	Sản xuất đồ uống	C11
III	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	
12	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	C12
IV	Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	
13	Sản xuất va li, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	C1512
14	Sản xuất giày, dép	C152
V	Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa	
15	Sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa; rom, rạ và vật liệu tết bện	C162
VI	Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy	
16	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	C1702
17	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	C1709
VII	Sản xuất hóa chất và các sản phẩm hóa chất	
18	Sản xuất khí công nghiệp	C20111
19	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	C2012
20	Sản xuất plastic nguyên sinh	C20131
21	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	C2022
22	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	C2023
23	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	C2029
24	Sản xuất sợi nhân tạo	C203
VIII	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	
25	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	C21
IX	Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	
26	Sản xuất sảm, lớp cao su (<i>ngoại trừ đắp và tái chế lớp cao su</i>)	C2211
27	Sản xuất sản phẩm từ plastic	C222
X	Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn	
28	Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng, bể chứa và nồi hơi	C251
29	Gia công cơ khí (<i>ngoại trừ xử lý và tráng phủ kim loại</i>)	C2592
30	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	C2593
31	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	C2599
XI	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	

TT	Ngành nghề được phép thu hút đầu tư	Mã ngành kinh tế Việt Nam
32	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học (<i>ngoại trừ sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học - C268</i>)	C26
XII	Sản xuất thiết bị điện	
33	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	C271
34	Sản xuất dây và thiết bị dây dẫn	C273
35	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	C274
36	Sản xuất đồ điện dân dụng	C275
37	Sản xuất thiết bị điện khác	C279
38	Sản xuất máy chuyên dụng khác chưa được phân vào đâu	C28299
XIII	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	
39	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	C31
XIV	Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	
40	Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	C32

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
- Tổng diện tích: 102,33 ha (theo Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp Hòa Hiệp 1).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trung tâm Dịch vụ công ích:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Trung tâm Dịch vụ công ích có trách nhiệm:
 - 2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.
 - 2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách

nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm**.

(từ ngày tháng năm 2024 đến ngày tháng năm 2031).

Các giấy phép môi trường thành phần đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND tỉnh Phú Yên (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở TN&MT tỉnh Phú Yên;
- Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên;
- Công thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Văn phòng TN&TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Trung tâm Dịch vụ công ích;
- Lưu: VT, KSONMT, CN&NH.Liem.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Công Thành

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải từ các cơ sở đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp Hòa Hiệp 1 đầu nối về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hòa Hiệp 1.

- Nguồn số 02: Nước thải từ khu văn phòng điều hành và Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hòa Hiệp 1.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:**

Nước thải sau xử lý xả thải ra vùng nước biển ven bờ.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vùng nước biển ven bờ thuộc khu phố Phước Lâm, phường Hòa Hiệp Bắc, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1439541; Y = 593679.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3°)

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 2.000 m³/ngày (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý từ Nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hòa Hiệp 1 qua mương quan trắc nước thải sau xử lý (nằm trong khuôn viên Nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hòa Hiệp 1) xả ra vùng nước biển ven bờ thuộc khu phố Phước Lâm, phường Hòa Hiệp Bắc, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Hình thức xả: Xả mặt, ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả ra nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B; $K_q = 1,3$ và $K_f = 1,0$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	°C	40	03 tháng/lần	Thực hiện quan trắc tự động, liên tục
2	pH	-	5,5 – 9		
3	COD	mg/l	195		
4	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	130		
5	Amoni (theo N)	mg/l	13		
6	Màu	Pt/Co	150		-
7	BOD ₅ (20°C)	mg/l	65		-
8	Asen (As)	mg/l	0,13		-
9	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,013		-
10	Chì (Pb)	mg/l	0,65		-
11	Cadmi (Cd)	mg/l	0,13		-
12	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/l	0,13		-
13	Crom III (Cr ³⁺)	mg/l	1,3		-
14	Đồng (Cu)	mg/l	2,6		-
15	Kẽm (Zn)	mg/l	3,9		-
16	Niken (Ni)	mg/l	0,65		-
17	Mangan (Mn)	mg/l	1,3		-
18	Sắt (Fe)	mg/l	6,5		-
19	Tổng Xianua (CN ⁻)	mg/l	0,13		-
20	Tổng Phenol	mg/l	0,65		-
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	13		-
22	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	0,65		-
23	Florua (F ⁻)	mg/l	13		-
24	Tổng Nitơ	mg/l	52		-
25	Tổng Phốt pho	mg/l	7,8		-
26	Clo dư	mg/l	2,6		-
27	Coliform	MPN/100ml	5.000		-
28	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1		-
29	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1		-
30	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ	mg/l	0,13	01 năm/lần	-
31	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Phốt pho hữu cơ	mg/l	1,3		-
32	Tổng PCB	mg/l	0,013		-

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải từ các nguồn phát sinh được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hòa Hiệp 1 để xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận nước thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hòa Hiệp 1 có 01 mô đun xử lý nước thải với công suất thiết kế 2.000 m³/ngày (24 giờ).

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải → Bể thu gom → Bể lắng cát, tách rác → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận nước thải.

- Hóa chất sử dụng: Ca(ClO)₂ (hoặc các hóa chất tương đương khác, bảo đảm chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: Tại mương quan trắc sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hòa Hiệp 1, trước khi xả ra nguồn tiếp nhận nước thải.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào dẫn vào hệ thống xử lý nước thải, đầu ra tại mương quan trắc sau hệ thống xử lý nước thải), nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: Phải lắp đặt.

- Camera theo dõi: Phải lắp đặt.

- Kết nối, truyền dữ liệu: Số liệu quan trắc tự động, liên tục phải được truyền trực tiếp đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên để theo dõi, giám sát.

- Thời hạn hoàn thành việc lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (có camera theo dõi và thiết bị lấy mẫu tự động) và kết nối, truyền số liệu trực tiếp đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2024.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

Công trình ứng phó sự cố nước thải có dung tích hiệu dụng khoảng 3.363 m³ để lưu chứa nước thải khi hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp xảy ra sự cố.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra các đường ống, thiết bị để kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Quy trình ứng phó sự cố:

+ Trường hợp lượng nước thải đầu vào vượt quá giới hạn tiếp nhận, điều chỉnh giảm lưu lượng nước thải đi vào hệ thống xử lý nước thải tập trung, lượng nước thải còn lại được dẫn về lưu chứa tại công trình ứng phó sự cố. Nước thải từ công trình ứng phó sự cố sẽ được điều tiết bơm quay trở lại hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý với lưu lượng phù hợp.

+ Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, đóng van xả nước thải sau xử lý ra nguồn tiếp nhận, nước thải vượt quy chuẩn được dẫn về công trình ứng phó sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải từ công trình ứng phó sự cố được bơm quay trở lại hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hòa Hiệp 1:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	Nhiệt độ	°C	40
2	pH	-	5,5 - 9
3	Màu	Pt/Co	150
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	78
5	COD	mg/l	234
6	TSS	mg/l	156
7	Asen (As)	mg/l	0,156
8	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,0156
9	Chì (Pb)	mg/l	0,78
10	Cadmi (Cd)	mg/l	0,156
11	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/l	0,156
12	Crom III (Cr ³⁺)	mg/l	1,56
13	Đồng (Cu)	mg/l	3,12
14	Kẽm (Zn)	mg/l	4,68
15	Niken (Ni)	mg/l	0,78
16	Mangan (Mn)	mg/l	1,56
17	Sắt (Fe)	mg/l	7,8
18	Tổng Xianua (CN ⁻)	mg/l	0,156
19	Tổng Phenol	mg/l	0,78
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	15,6
21	Sulfua (S ²⁻)	mg/l	0,78
22	Florua (F ⁻)	mg/l	15,6
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	15,6
24	Tổng Nitơ	mg/l	62,4

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
25	Tổng Phốt pho	mg/l	9,36
26	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	1.560
27	Clo dư	mg/l	3,12
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ	mg/l	0,156
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật Phốt pho hữu cơ	mg/l	1,56
30	Tổng PCB	mg/l	0,0156
31	Coliform	MPN/100ml	5.000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, bảo đảm các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Khu công nghiệp. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải; phải có hố ga lắng cặn, tách váng dầu trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực; phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để bảo đảm luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.2. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Khu công nghiệp, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.3. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.4. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2024. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2024
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 02: Máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1439497; Y = 593638.
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1439512; Y = 593698.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường
2	55	45		Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	-	Khu vực thông thường
2	60	55		Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- Định kỳ bảo dưỡng, vệ sinh máy móc, thiết bị, bảo đảm các động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2024
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	05
2	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	05
TỔNG KHỐI LƯỢNG			10

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn cát nạo vét từ hố ga thu gom nước mưa	2.000
2	Chất thải rắn thông thường phát sinh từ quá trình xử lý nước thải	1.000
TỔNG KHỐI LƯỢNG		3.000

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	1,0
TỔNG KHỐI LƯỢNG		1,0

1.4. Chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp	12 06 05	1.200
2	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	05
3	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	05
4	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composit)	18 01 04	20
TỔNG KHỐI LƯỢNG			1.230

Thực hiện phân định, phân loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Thùng có nắp đậy, bao bì.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- 01 kho lưu giữ CTNH có diện tích khoảng 18,72 m².

- Kho có mái che, tường bao, nền bê tông, có rãnh và hố thu gom chất thải lỏng.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Thùng chứa, bao bì.

2.2.2. Kho lưu chứa:

Không bố trí kho lưu chứa riêng chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Thùng có nắp đậy.

2.3.2. Kho lưu chứa:

Không bố trí kho lưu chứa riêng chất thải rắn sinh hoạt.

2.4. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Thùng chứa.

2.3.2. Kho lưu chứa:

- Khu vực sân phơi bùn diện tích khoảng 225 m².

- Có tường bao, nền bê tông, có bố trí rãnh thu gom nước thải dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

2.5. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

1. Đầu tư xây dựng mô đun số 2 và mô đun số 3 của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hòa Hiệp 1:

- Công suất thiết kế: 2.000 m³/ngày/mô đun.

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải → Bể thu gom → Bể lắng cát, tách rác → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận nước thải.

- Hóa chất sử dụng: Ca(ClO)₂ (hoặc các hóa chất tương đương khác, bảo đảm chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

2. Hoàn thiện các hạng mục, công trình hạ tầng của Khu công nghiệp, bao gồm cả hệ thống thu gom, thoát nước mưa và hệ thống thu gom, thoát nước thải.

3. Chỉ được triển khai thực hiện đối với phần diện tích đất đã hoàn thành thủ tục pháp lý về đất đai, quy hoạch.

4. Sau khi hoàn thành việc đầu tư bổ sung, có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường để được xem xét cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động, bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

3. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường.

4. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của khu công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường. Phải bảo đảm thỏa thuận thống nhất với các cơ sở đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp về tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

5. Bụi, khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (nhiên liệu sử dụng là dầu DO) không kiểm soát như nguồn khí thải công nghiệp, nhiên liệu sử dụng là dầu DO phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

6. Diện tích cây xanh phải bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật về xây dựng.

7. Việc thu hút, sắp xếp, bố trí các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp theo ngành nghề thu hút đầu tư trong Khu công nghiệp phải bảo đảm thực hiện theo đúng quy hoạch phân khu chức năng của Khu công nghiệp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

8. Bảo đảm sự phù hợp và tuân thủ việc thực hiện các quy hoạch tại Quyết định 1746/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định của chính quyền địa phương.

10. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

11. Các hạng mục công trình của dự án chỉ được phép hoạt động khi bảo đảm phù hợp theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đất đai, xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

12. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.